

Số: 61/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực
kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ các Luật: Đề điều số 79/2006/QH11; Thủy lợi số 08/2017/QH14; Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật: Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bởi Luật số 62/2020/QH14; Giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật: Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13; Giáo dục số 43/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật: Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11; Viễn thông số 24/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14; Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 132/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa

học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện Nghị quyết số 426/NQ-HĐND về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11843/TTr-STC ngày 26/9/2025 của Sở Tài chính về việc ban hành Quyết định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, TC; NN&MT; KH&CN; Xây dựng; Công thương; GD&ĐT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND-UBND-MTTQ TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Sỹ Thanh



QUY ĐỊNH
VỀ PHÂN CẤP VÀ QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC MỘT SỐ LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội giữa UBND Thành phố và UBND các xã, phường (sau đây gọi tắt là "UBND cấp xã").

b) Những nội dung phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về các lĩnh vực khác không quy định tại văn bản này thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc.

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống, tính liên tục, không trùng trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước; đảm bảo yếu tố khoa học, kỹ thuật chuyên ngành trong mỗi lĩnh vực.

2. Phân cấp gắn với trách nhiệm, quyền hạn của UBND cấp xã; Đảm bảo điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để cấp xã thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân cấp.

3. Đảm bảo nguyên tắc phân cấp tối đa cho UBND cấp xã để giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và người dân; phù hợp với khả năng quản lý, khả năng cân đối các nguồn lực; đảm bảo yêu cầu quản lý đô thị, phát triển nông thôn và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Thành phố quản lý đảm bảo thống nhất trên toàn địa bàn thông qua việc xây dựng mục tiêu, nguyên tắc, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá, quy trình, quy chế tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát thông qua

hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc và hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung.

5. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng, gắn quyền hạn với trách nhiệm giải quyết công việc và cải cách hành chính trong các lĩnh vực được phân cấp. Gắn phân cấp quản lý với tăng cường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện sau phân cấp từ Thành phố.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP

Điều 3. Lĩnh vực đường bộ

1. UBND Thành phố

a) Quản lý tổ chức giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ và khai thác, vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn Thành phố.

b) UBND Thành phố quản lý các đường bộ:

b.1) Đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố đầu tư, quản lý, đường vành đai, đường trên cao, đường tỉnh lộ.

b.2) Các đường, phố được Thành phố đặt tên (*trừ đường ngõ, ngách*); Đường theo quy hoạch là đường cấp III trở lên (*theo tiêu chuẩn 4054:2005 có chiều rộng mặt cắt ngang 12m trở lên*) đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Đường đô thị và đường theo quy hoạch là đường đô thị theo quy chuẩn từ loại đường khu vực trở lên (*theo QCVN 07-4:2023/BXD có chiều rộng mặt cắt ngang đường từ 16m trở lên*) đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

b.3) Toàn bộ các tuyến đường, phố trong các khu đô thị trên địa bàn các phường, xã sau khi chủ đầu tư các khu đô thị bàn giao về Thành phố.

b.4) Một số tuyến đường giao thông quan trọng, các trục hướng tâm trên địa bàn các xã, phường để phục vụ công tác tổ chức giao thông, chống ùn tắc giao thông theo danh mục Thành phố phê duyệt.

b.5) Hè đường các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, trục chính đô thị, đường chính đô thị theo quy định tại QCVN 07-4:2023/BXD trở lên và một số tuyến đường phố phục vụ công tác an ninh, chính trị, đối ngoại theo danh mục Thành phố phê duyệt.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý các tuyến đường bộ (*bao gồm cả hè đường*) còn lại trên địa bàn, trừ đường do Trung ương và Thành phố quản lý.

b) Quản lý, khai thác sử dụng toàn bộ hệ đường trên các tuyến đường trên địa bàn (*trừ hè đường do Thành phố quản lý*).

Điều 4. Lĩnh vực chiếu sáng công cộng

1. UBND Thành phố

a) Quản lý, vận hành, cấp điện toàn bộ hệ thống chiếu sáng công cộng trên các tuyến đường, khu vực do Thành phố quản lý (*bao gồm cấp điện cho lưới điện của các trạm đèn chung lưới điện đường phố và ngõ ngách*), trong các công viên, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý; Quản lý về tính năng điều khiển giám sát các trạm đèn, lưới điện chiếu sáng có đủ điều kiện kết nối điều khiển tập trung trên địa bàn toàn Thành phố (*phần chiếu sáng tại các tuyến ngõ, ngách trên địa bàn các phường đang được cấp nguồn điện từ các trạm đèn chung lưới điện đường phố và ngõ ngách sẽ do cấp Thành phố tiếp tục thanh toán chi phí điện năng và sẽ bàn giao về các phường thanh toán chi phí điện năng khi các phường thực hiện xong việc đầu tư phân tách nguồn điện*).

b) Quản lý, cho phép chiếu sáng quảng cáo, trang trí, chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội trên các tuyến đường, khu vực công cộng do Thành phố quản lý.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý, cấp điện hệ thống chiếu sáng (*bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị*) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp xã đầu tư, trong công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác do cấp xã quản lý.

b) Quản lý, cấp điện hệ thống chiếu sáng công cộng (*bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị*) trên các tuyến đường, trong công viên, vườn hoa và các khu vực công cộng khác còn lại trên địa bàn, trừ khu vực Thành phố quản lý.

c) UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc phân tách riêng nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng ngõ, ngách đang được cấp nguồn từ các trạm đèn chung lưới điện đường phố và ngõ ngách theo địa giới quản lý. Việc phân tách nguồn điện cho hệ thống chiếu sáng ngõ, ngách phải đảm bảo về kỹ thuật, an toàn cấp điện và hiệu quả đầu tư (*cơ quan chuyên ngành của Thành phố hướng dẫn, thỏa thuận về kỹ thuật, tính năng kết nối điều khiển giám sát hoạt động khi cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống chiếu sáng công cộng do cấp xã làm chủ đầu tư để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ*).

Điều 5. Lĩnh vực công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ

1. UBND Thành phố

a) Quản lý cây xanh bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ trên các tuyến đường do Thành phố quản lý và Vườn thú Hà Nội (*Công viên Thủ Lệ*).

b) Chỉ đạo việc quản lý công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ trên địa bàn toàn Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý cây xanh, thảm cỏ trên địa bàn (*đường xã, đường thôn, đường ngõ xóm...*) trừ cây xanh, thảm cỏ do Thành phố quản lý.

b) Quản lý các công viên, vườn hoa trên địa bàn (*bao gồm cả hồ nước trong công viên, vườn hoa*) trừ công viên, vườn hoa do Thành phố quản lý.

Điều 6. Lĩnh vực thoát nước đô thị và xử lý nước thải

1. UBND Thành phố

a) Quản lý hệ thống thoát nước gắn với các tuyến đường do Thành phố đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trên địa bàn Thành phố và hệ thống thoát nước theo danh mục do Thành phố phê duyệt.

b) Quản lý, đầu nôi toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường (*trừ thoát nước ngõ, ngách*) và hệ thống thoát nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do Thành phố quản lý sau đầu tư; Quản lý môi trường nước, quản lý điều tiết mực nước hồ (*bao gồm cả quản lý nước thải khu vực hồ, quản lý chất lượng nước hồ; không bao gồm công tác quản lý diện tích, an ninh trật tự, các hoạt động xã hội khu vực hồ do chính quyền cấp xã quản lý*) đối với các hồ điều hòa thoát nước gắn với hệ thống thoát nước do Thành phố quản lý (*ngoài các hồ trong công viên Thành phố quản lý*); Quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải theo danh mục do UBND Thành phố phê duyệt.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý hệ thống thoát nước và hệ thống thoát nước thải trên địa bàn (*bao gồm mạng lưới hệ thống kết nối với công trình xử nước thải có quy mô dưới 5.000m³/ngày đêm*) trừ hệ thống do Thành phố quản lý.

b) Quản lý, đầu nôi hệ thống thoát nước, hệ thống thoát nước thải và các hồ điều hòa trên địa bàn (*bao gồm mạng lưới hệ thống kết nối với công trình xử nước thải có quy mô dưới 5.000m³/ngày đêm*) trừ hệ thống do Thành phố quản lý.

Điều 7. Lĩnh vực cấp nước sạch

1. UBND Thành phố

a) Quản lý các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố.

b) Quản lý hệ thống cấp nước chữa cháy đối với các tuyến đường cấp khu vực, các tuyến đường do Thành phố quản lý, các tuyến đường xe chữa cháy có thể tiếp cận được.

c) Thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

d) Quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn Thành phố; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã.

e) Chỉ đạo việc chuyển giao các công trình cấp nước tập trung tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn đã được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động cấp nước thuộc thành phố quản lý.

f) Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với các công trình cấp nước đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước liên tỉnh trên địa bàn Thành phố, có sự tham gia của các tỉnh liên quan.

g) Quản lý, giám sát các đơn vị cấp nước trong việc đảm bảo cấp nước sạch đô thị, nước sạch tập trung trên địa bàn Thành phố.

h) Quy định giá bán nước sạch trên địa bàn toàn Thành phố.

i) Chỉ đạo phối hợp các đơn vị cấp nước quản lý bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước và ổn định dịch vụ cấp nước tại địa bàn Thành phố đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý hệ thống nước sạch khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa không thể kết nối với hệ thống cấp nước tập trung, những khu vực chưa có hệ thống cấp nước và không có nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa.

b) Quản lý hệ thống cấp nước chữa cháy đối với các tuyến đường ngõ, ngách, khu dân cư (*xe chữa cháy không thể tiếp cận được*).

Điều 8. Lĩnh vực thủy lợi

1. UBND Thành phố quản lý đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước sau:

a) Công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo Danh mục phân giao quản lý công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành;

b) Công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi vừa;

c) Công trình thủy lợi nhỏ mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai xã, phường trở lên hoặc công trình thủy lợi nhỏ gắn với công trình thủy lợi do Thành phố quản lý.

2. UBND cấp xã quản lý đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước còn lại trên địa bàn.

Điều 9. Lĩnh vực đê điều

1. UBND Thành phố trực tiếp quản lý các tuyến đê (kể cả công trình trên đê, các tuyến kè) từ đê cấp III trở lên trên địa bàn Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Trực tiếp quản lý các tuyến đê (kể cả công trình trên đê, các tuyến kè) từ đê cấp IV trở xuống và các tuyến đê chưa được xác định cấp công trình trên địa bàn.

b) Phối hợp quản lý, bảo vệ các tuyến đê do Thành phố quản lý đi qua địa bàn theo quy định pháp luật về đê điều và quy định của UBND Thành phố.

Điều 10. Lĩnh vực rừng

1. UBND Thành phố: quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố; quản lý chung việc bảo vệ rừng, phát triển rừng, tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Thực hiện trách nhiệm quản lý và phối hợp quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Thành phố về bảo vệ, phát triển rừng.

b) Trực tiếp quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng sản xuất trên địa bàn.

Điều 11. Lĩnh vực khoa học công nghệ

1. UBND Thành phố

a) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố (*bao gồm cả công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*) và của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

b) Quản lý các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả hai cấp quản lý của Thành phố và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

d) Quản lý hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả hai cấp quản lý của Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ quan, đơn vị cấp xã; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác;

b) Quản lý các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động nội bộ của cấp xã và các cơ quan trực thuộc cấp xã bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc Chính quyền số Thành phố (*không trùng lặp với các hệ thống Thành phố, Trung ương đã triển khai*).

Điều 12. Lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

1. UBND Thành phố

a) Quản lý các trường: Đại học, cao đẳng; Bồi dưỡng cán bộ giáo dục; Trung cấp; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên thuộc thành phố Hà Nội.

b) Quản lý các trường: Trung học phổ thông; Phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp trung học phổ thông; Phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông.

c) Quản lý các trường (*thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo*): Mầm non B, Mẫu giáo Việt Trì hữu nghị; Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu; Phổ thông cơ sở Xã Đàn; Tiểu học Bình Minh.

d) Quản lý các trường chuyên biệt và đơn vị sự nghiệp giáo dục khác thuộc Thành phố quản lý.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý các trường: Trung học cơ sở; Phổ thông có nhiều cấp học trong đó không có cấp học trung học phổ thông; Phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông dân tộc nội trú không có cấp trung học phổ thông.

b) Quản lý các trường: Tiểu học; Mầm non (*trừ các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo*).

c) Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn và các cơ sở giáo dục, đào tạo cấp xã có tên gọi khác.

Điều 13. Lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông

1. UBND Thành phố

a) Quản lý, phát huy giá trị các di tích, công trình văn hóa tiêu biểu: Di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long; Khu di tích Cổ Loa; Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Di tích Bác Hồ ở Vạn Phúc - Hà Đông; Di tích Nhà tù Hỏa Lò; Di tích 48 Hàng Ngang; Di tích 5D Hàm Long; Di tích 90 Thợ Nhuộm; Cụm di tích Đền Bà Kiệu - Hồ Hoàn Kiếm - Đền Ngọc Sơn - Tượng đài Vua Lê và các di tích quốc gia đặc biệt khác do Thành phố quản lý.

b) Quản lý: Trung tâm văn hóa, trung tâm triển lãm, thư viện, nhà hát, bảo tàng cấp Thành phố; Trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao Hà Nội.

c) Quản lý: Tượng đài và tranh hoành tráng trong khuôn viên di tích và công viên do Thành phố quản lý; Tượng đài và tranh hoành tráng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Tượng đài vua Lý Thái Tổ.

d) Quản lý hệ thống thông tin nguồn thông tin cấp cơ sở Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý, vận hành các đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn, trong đó có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

b) Quản lý các công trình văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng.

c) Quản lý các di tích trên địa bàn, trừ các di tích Thành phố trực tiếp quản lý.

d) Quản lý các tượng đài, tranh hoành tráng trên địa bàn trừ các tượng đài, tranh hoành tráng Thành phố quản lý.

Điều 14. Lĩnh vực y tế

1. UBND Thành phố

a) Các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa, cơ sở trợ giúp xã hội, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố.

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, dược trên địa bàn do Thành phố (*cơ quan chuyên ngành thuộc Thành phố*) cấp phép hoạt động; Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn.

2. UBND cấp xã

a) Trạm y tế xã, phường.

b) Phối hợp quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, dược tư nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn.

Điều 15. Lĩnh vực nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

1. UBND Thành phố

a) Quản lý các nghĩa trang: Mai Dịch; Nhôn; Ngọc Hồi; Văn Điển; Yên Kỳ; Thanh Tước; Sài Đồng; Vĩnh Hằng (*phần diện tích do Thành phố đầu tư và đang quản lý*); Người Trung Quốc tại Xuân Mai và các nghĩa trang tập trung cấp Thành phố đầu tư mới theo quy hoạch.

b) Quản lý các cơ sở hỏa táng; Quản lý nhà tang lễ cấp Thành phố.

c) Quy định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý các nghĩa trang trên địa bàn (*bao gồm cả nhà tang lễ trong khuôn viên nghĩa trang*) trên địa bàn trừ nghĩa trang do Thành phố quản lý.

b) Quản lý nguồn thu dịch vụ từ nghĩa trang, nhà tang lễ do cấp xã quản lý theo quy định.

Điều 16. Lĩnh vực chợ

1. UBND Thành phố quản lý các chợ đầu mối sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

2. UBND cấp xã quản lý các chợ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trừ chợ đầu mối do Thành phố quản lý.

Điều 17. Lĩnh vực bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm đón, trả khách, vận tải hành khách tuyến cố định và vận tải hành khách công cộng

1. UBND Thành phố

a) Thống nhất quản lý vận tải hành khách công cộng và toàn bộ kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng trên toàn địa bàn Thành phố.

b) Quản lý bến xe khách liên tỉnh, bến xe tải theo quy hoạch.

c) Tổ chức lựa chọn các đơn vị thực hiện xã hội hóa quản lý sau đầu tư việc khai thác vận hành các bến xe phục vụ công cộng do Thành phố đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng.

d) Quản lý việc khai thác vận hành, thỏa thuận về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và các nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật: Toàn bộ trạm dừng nghỉ trên tuyến đường thuộc hệ thống đường địa phương; toàn bộ bến xe tải, bến xe khách liên tỉnh; Các bãi đỗ, điểm đỗ xe trên lòng đường thuộc các tuyến đường do Thành phố quản lý sau đầu tư.

e) Quyết định công bố đưa các bến xe khách, trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường, điểm đón trả khách cho vận tải hành khách trên tuyến cố định.

f) Quyết định mở mới các tuyến xe khách công cộng hoặc dừng hoạt động đối với các tuyến xe khách không hiệu quả và không theo quy hoạch.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý: Các bãi đỗ xe trên địa bàn theo quy hoạch; Các bãi, điểm đỗ xe trên hệ đường, lòng đường do cấp xã, phường quản lý; Các điểm đỗ xe trong các khu dân cư, trung tâm thương mại và khu vực công cộng khác trên địa bàn.

b) Quyết định công bố đưa các bãi đỗ xe vào khai thác, công bố dừng hoạt động bãi đỗ xe trên địa bàn quản lý.

c) Tổ chức quản lý hoạt động các bãi đỗ xe theo quy định.

d) Kiểm soát giá dịch vụ trông giữ các loại xe cụ thể trong từng bãi đỗ xe trên địa bàn quản lý theo quy định của Thành phố.

Điều 18. Lĩnh vực quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

1. UBND Thành phố: Quản lý công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc bàn giao cho Thành phố quản lý; Thống nhất quản lý nhà nước về không gian xây dựng ngầm đô thị, hướng dẫn việc lập cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị.

2. UBND cấp xã: Phối hợp quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị, quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị với các cơ quan chuyên ngành thuộc Thành phố.

Điều 19. Lĩnh vực quản lý chất thải rắn

1. UBND Thành phố

a) Tổ chức quản lý công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng quy mô cấp Thành phố.

b) Quản lý khu/cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp Thành phố.

c) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm xử lý chất thải rắn xây dựng quy mô cấp Thành phố; tổ chức kêu gọi đơn vị đầu tư, quản lý các điểm tập kết, xử lý chất thải rắn xây dựng quy mô cấp Thành phố.

2. UBND cấp xã

a) Quản lý điểm tập kết, điểm chuyển tải, cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội xã, phường.

b) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm xử lý chất thải rắn xây dựng có phạm vi phục vụ nội xã, phường; tổ chức kêu gọi đơn vị đầu tư, quản lý các điểm tập kết, xử lý chất thải rắn xây dựng có phạm vi phục vụ nội xã, phường.

Điều 20. Lĩnh vực du lịch

1. UBND Thành phố

a) Quản lý: Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa trong lĩnh vực du lịch; Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trên địa bàn Thành phố (*trừ những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam*).

b) Quản lý các cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (*trừ những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam*).

2. UBND cấp xã

a) Quản lý các tổ chức, cá nhân kinh doanh đại lý lữ hành.

b) Quản lý đối với các cơ sở lưu trú du lịch: nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, bãi cắm trại du lịch và cơ sở lưu trú du lịch khác trên địa bàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, tham mưu UBND Thành phố phê duyệt danh mục Thành phố quản lý của ngành theo phân cấp tại Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND Thành phố những nội dung theo thẩm quyền quy định về phương án quản lý, nguồn nhân lực, nguồn kinh phí, cơ chế vận hành các công trình, nhiệm vụ theo phân cấp và quy định cơ chế phối hợp giữa các cấp và của từng ngành, lĩnh vực, đảm bảo hiệu quả.

c) Hướng dẫn, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho UBND cấp xã để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp; Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp theo ngành, lĩnh vực.

d) Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai phân cấp đề nghị báo cáo UBND Thành phố (*qua Sở Tài chính*) để xem xét xử lý, tháo gỡ.

2. Giao Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của UBND cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; Tham mưu UBND

Thành phố phương án phân loại, đồng thời đề xuất cơ chế phân cấp mạnh hơn cho UBND cấp xã có năng lực trong giai đoạn tiếp theo.

b) Là đầu mối tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện phân cấp; Tổng hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai phân cấp báo cáo UBND Thành phố xem xét quyết định.

Điều 22. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nội dung được Thành phố phân cấp quản lý tại Quy định này.

b) Chủ động phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn.

c) Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai phân cấp đề nghị báo cáo UBND Thành phố (*qua Sở Tài chính*) để xem xét xử lý, tháo gỡ.